

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2026/DS-PT
Ngày: 28 - 4 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Xô

Ông Lương Thanh Chín

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Diễm Quỳnh là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2026/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2026, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2025/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2026/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2026/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 1, thôn 4, xã L1, tỉnh Lâm Đồng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn N1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn Đ1, xã HT, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Võ Văn N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Văn N1 không có quan hệ huyết thống, thông qua ông Lê Văn H, bà N đồng ý cho ông N1 vay số tiền là 50.000.000 đồng vào ngày 27/10/2022. Sau khi lập giấy viết tay do bà N viết nội dung, ông N1 ký và ghi họ, tên; bà N đã đưa toàn bộ số tiền vay cho ông N1 bằng tiền mặt, thời hạn

vay là kể từ ngày vay cho đến ngày 27/3/2023, không có lãi suất. Tuy nhiên, sau khi đã hết thời hạn vay, bà N đã nhiều lần yêu cầu ông N1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng ông N1 không trả, nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn N1 phải trả cho bà N số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày 28/3/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ, với mức lãi suất là 10%/năm.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà N đã cung cấp cho Tòa án giấy vay tiền đề ngày 27/10/2022, có chữ ký và ghi họ tên của ông Võ Văn N1. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai đối với ông N1, tuy nhiên ông N1 phủ nhận việc vay tiền và từ chối ký tên vào biên bản làm việc là không thực hiện nghĩa vụ và từ bỏ quyền phản đối của mình. Theo các tài liệu, chứng cứ mà Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai L cung cấp theo yêu cầu của Tòa án trên cơ sở đề nghị của bà N, thể hiện ông N1 biết đọc, biết viết. Chính vì vậy, bà N nhận thấy không còn cần thiết phải đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông N1 trên giấy vay tiền, bà N rút lại yêu cầu trưng cầu giám định của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ đề nghị Tòa án buộc ông Võ Văn N1 phải trả lại số nợ gốc là 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Võ Văn N1 trình bày:

Ông Võ Văn N1 xác định có vay của bà N 50.000.000 đồng, việc vay tiền có lập giấy viết tay, bà N giao tài sản vay bằng tiền mặt vào ngày 27/10/2022. Tuy nhiên, việc vay tiền là có lãi và tiền lãi mà ông N1 phải trả cho bà N là 2.000.000 đồng/tuần, việc trả tiền lãi được ông N1 thực hiện bằng hình thức giao tiền mặt cho bà N, tuy nhiên khi giao tiền thì không lập văn bản, và thực hiện thông qua hình thức chuyển tiền vào tài khoản được mở tại Ngân hàng TMCP A đứng tên bà Nguyễn Thị N, từ tài khoản chuyển đi của những người mà ông N1 quen biết, ông N1 giao nộp giấy viết tay ghi danh sách 05 số tài khoản ngân hàng của 05 người mà ông nhờ chuyển tiền lãi trả cho bà N, cụ thể là tài khoản tên Phạm Hoàng Tr1, số tài khoản: 0621000449068, Ngân hàng TMCP V (Vbank); tài khoản tên Trần Kê Tr, số tài khoản: 9991983999, Ngân hàng TMCP V (Vbank); tài khoản tên Nguyễn Hào Tr3, số tài khoản: 0799922267, Ngân hàng Q (Qbank); tài khoản tên Lê Nho Thanh P, số tài khoản: 0621000453661, Ngân hàng TMCP V (Vbank); tài khoản tên Lý Ngọc C, số tài khoản: 0621000407415, Ngân hàng TMCP V (Vbank). Ông N1 khẳng định ông là người trực tiếp nhờ 05 người này thực hiện giao dịch chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của bà N, tuy nhiên ông không nhớ rõ là thực hiện vào khoảng thời gian nào, đã chuyển số tiền bao nhiêu, đồng thời ông N1 giải trình lý do không cung cấp thông tin này cho Tòa án là do sự việc xảy ra đã lâu, không nhớ rõ, cần thời gian thu thập thông tin, và các thông tin này được ông N1 thu thập được khoảng 05 đến 06 ngày trước. Do vậy, để có căn cứ xác định số tiền còn lại ông N1 còn nợ bà N bao nhiêu, ông N1 đề nghị Tòa án yêu cầu Ngân hàng TMCP A cung cấp thông tin sao kê số tiền chuyển đến tài khoản của bà N từ 05 tài khoản nêu trên.

Ông N1 thừa nhận ngày 19/8/2024, ông N1 có đến Tòa án để làm việc và cung cấp lời khai, ông thừa nhận ông có trình bày ông không quen biết người nào tên là Nguyễn Thị N, cũng như không vay tiền của ai, không biết gì về giấy vay tiền, không ký hay viết vào giấy này, ông xác định bản thân ông chỉ biết ký và ghi họ, tên, không biết đọc, không biết viết. Lý giải cho sự mâu thuẫn trong trình bày lời khai của mình, ông N1 cho rằng do ban đầu thông tin của ông về năm sinh không đúng nên ông không thừa nhận, mặt khác ông cần thêm thời gian để xác minh các thông tin liên quan đến việc vay tiền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2025/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 72, Điều 91, Điều 92, Điều 97, Điều 147, Điều 196, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N: Buộc ông Võ Văn N1 phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/11/2025, bị đơn ông Võ Văn N1 kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, xem xét lại khoản tiền lãi mà ông N1 đã trả cho bà N để trừ vào số tiền gốc mà ông N1 đã vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Võ Văn N1 giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng tính lại tiền lãi. Vì ông đã trả lãi cho bà N số tiền lãi vượt quá quy định.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn N1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2025/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng; Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị N nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bà N theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Văn N1 đều thừa nhận vào ngày 27/10/2022, ông có vay của bà Nguyễn Thị N 50.000.000 đồng, thời hạn trả vào ngày 27/3/2023. Khi vay, bà N có làm giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của ông N1. Tuy nhiên, việc vay tiền là có lãi và tiền lãi mà ông N1 phải trả cho bà N là 2.000.000 đồng/tuần, việc trả tiền lãi được ông N1 thực hiện bằng hình thức vừa giao tiền mặt, vừa thực hiện thông qua hình thức chuyển tiền vào tài khoản được mở tại Ngân hàng TMCP A đứng tên bà Nguyễn Thị N, từ tài khoản chuyển đi của những người làm dịch vụ chuyển tiền mà ông N1 nhờ.

[2.2] Tuy nhiên, ông N1 không xác định được thời điểm trả tiền mặt, không xác định được thời điểm chuyển khoản và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh có việc trả tiền lãi như ông N1 khai; đồng thời, ông N1 thừa nhận từ khi vay tiền đến nay chưa trả khoản tiền vay gốc 50.000.000 đồng cho bà N. Trong khi đó, bà N không thừa nhận ông N1 trả lãi như lời khai của ông N1, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông N1 trả cho bà N 50.000.000 đồng đã vay là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Từ nhận định trên, xét thấy ông Võ Văn N1 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho kháng cáo của mình, nên Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo ông Võ Văn N1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn N1; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2025/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N: Buộc bị đơn ông Võ Văn N1 trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) đã vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N 1.354.000 đồng (*Một triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011336 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

2.2. Buộc ông Võ Văn N1 phải chịu 2.500.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.3. Buộc ông Võ Văn N1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008918 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng; Ông Võ Văn N1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (28/4/2026).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 15 – Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 15 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 15 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Xô Lương Thanh Chín

Nguyễn Hồng Thái